

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HS-ST

Ngày 14 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê M T3

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Phương

Bà Lê Thị Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị B - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2021;

Đối với các bị cáo:

1. **Lê Đình L**, sinh ngày 25/3/1991 tại: Xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 15, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình K và bà Lê Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thanh H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2020 đến ngày 14/01/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Ngày 17/3/2021 bị Công an huyện Thọ Xuân khởi tố và bắt tạm giam về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. **Nguyễn Văn G**, sinh ngày 05/5/1989 tại: Xã H, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Ch, xã H,

huyện H1, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Hà Huyền Tr và 02 con (trong đó: có 01 con riêng với vợ trước đã ly hôn);

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 22/4/2019, bị Ủy ban nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vận chuyển, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép kinh doanh”, hình thức phạt tiền, chưa chấp hành xong.

Nhân thân: Ngày 12/11/2012, bị Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” bằng hình thức phạt tiền; Ngày 17/4/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 27/11/2020 đến nay; Có mặt.

3. **Đàm Thị Q**, sinh ngày 26/01/1980 tại: xã C, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn N, xã B1, huyện B, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Văn H1 và bà Đặng Thị Th1; có chồng là Nguyễn T3 N1, sinh năm 1974 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2020, đến ngày 04/02/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; Có mặt.

4. **Nguyễn Văn B**, sinh ngày 01/8/1991 tại: Thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Đội 3, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ph; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 21/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2020, đến ngày 08/02/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn Th2, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Ông Trịnh Văn M, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Ch, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1984 địa chỉ: Thôn H, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn Th2, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. Anh Tô Tế N1, sinh năm 1982, địa chỉ: 162 T, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Chị Ngô Thị N2, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn H, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

5. Anh Trần Anh Đ1, sinh năm 2003, địa chỉ: Khu , thị trấn L, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

6. Anh Lê Duy H2, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn Th2, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn Th1, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 15 phút, ngày 11/11/2020 Công an huyện Thọ Xuân đã phát hiện bắt quả tang Lê Đình L, sinh năm 1991, trú tại thôn 15 xã X, huyện T và Nguyễn Văn B, sinh năm 1991, trú tại thôn Đoàn Kết, thị trấn L, huyện Thọ Xuân (Hiện đã chuyển khẩu về cư trú tại: Thôn Đội 3, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) về hành vi đe dọa và chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Ch tại nhà anh Ch ở thôn 4, xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân. Công an huyện Thọ Xuân đã T3 hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và đưa về Công an Thọ Xuân để giải quyết.

Quá trình điều tra, xác định hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể như sau:

Xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân có nghề làm bánh gai, nên hàng ngày cần một khối lượng lớn lá chuối khô để gói bánh, vì nguồn cung cấp tại chỗ không đủ nên có nhiều người từ tỉnh ngoài thu gom đem lá chuối khô vào bán tại địa bàn xã Thọ Diên và các xã lân cận, trong đó có Đàm Thị Quý nhập lá chuối (đầu mối) cho vợ chồng anh Hoàng Văn D, trú tại: Thôn Th2, xã Th, huyện T để bán lại cho các hộ gia đình làm bánh gai trên địa bàn xã Thọ Diên.

Khoảng tháng 10/2020, thấy có nhiều thương lái khác đem lá chuối vào Thọ Xuân bán với giá thấp hơn nên D đã bàn với Quý tìm cách để độc quyền bán lá chuối tại xã Thọ Diên. Do muốn bán được nhiều hàng nên Quý đồng ý và cả hai bàn bạc dựng cảnh khi Quý chở xe lá chuối vào Thọ Diên thì sẽ cho một nhóm thanh niên hung hãn đến quát nạt, đe dọa, mục đích là để các nhà mua lá chuối và các thương lái khác thấy việc vào bán lá chuối phải qua “bảo kê”, mà

không vào bán tại xã Thọ Diên nữa, hoặc phải thu mua lá chuối từ đầu mối của Q. Nguyễn Văn D đã liên hệ với Lê Đình L là người quen biết từ trước, nhờ L gọi thêm người để thực hiện; L đã rủ Nguyễn Văn Giáp cùng tham gia thực hiện.

Khoảng một ngày sau, Đàm Thị Quý chở xe ô tô lá chuối đến xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân thì L và Nguyễn Văn G dàn cảnh đến giả vờ đe dọa và yêu cầu nộp tiền bảo kê, đồng thời Quý đã tự nguyện đưa số tiền 1.000.000 đồng cho nhóm của L (gọi là tiền chè nước). Sau đó, Quý nhờ D hẹn gặp nhóm của L ăn cơm tại quán ăn Anh Trang ở khu 2, thị trấn L, huyện Thọ Xuân để bàn công việc. Tại quán ăn Anh Trang có Q, vợ chồng D, L, G và Nguyễn Văn B do L rủ đi cùng, Quý nói sẽ cung cấp thông tin cho nhóm của L về lịch trình, biển số xe của các thương lái mua lá chuối từ tỉnh Lào Cai về nhưng không qua đầu mối của Quý để nhóm L, G ra chặn xe, đe dọa, uy hiếp các chủ xe buộc họ phải mua lá chuối của Quý, đồng thời Quý sẽ trả chi phí tương ứng cứ 01 kg lá chuối bán ra, Quý sẽ cắt cho nhóm của L, G 1.000 đồng (tức là 01 tấn cắt cho nhóm L, G 1.000.000 đồng); nếu các chủ xe mua từ đầu mối khác đưa đến thì nhóm L, G cho “quay đầu” về không được vào Thọ Diên bán. Quá trình bàn bạc, Quý và nhóm L, G không bàn bạc về việc thu tiền “tiền bảo kê” của các chủ xe. Để liên hệ kịp thời với nhau, G là người đã trực tiếp lập ra nhóm trên Zalo lấy tên là “Công ty chuối xanh”, để trao đổi thông tin trên nhóm.

Ngày 03/11/2020, Quý gọi điện thoại cho L, G thông báo có xe chở lá chuối từ Lào Cai về Thọ Xuân và bảo ra chặn xe đe dọa. L, G rủ B đi cùng đến chờ ở ngã ba Cây Gạo, thuộc khu 1, thị trấn L. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, xe ô tô chở lá chuối của anh Nguyễn Văn Ch đi về đến ngã ba Cây Gạo, thì L điều khiển ô tô biển kiểm soát 36A-407.34 chở G và B ra chặn lại, lúc đó còn có Trần Anh Đ1, sinh năm 2002, trú tại: khu 5, thị trấn L do G gọi điện đến chặn xe. L lấy gậy bóng chày ở trên xe xuống đập vào khung gương ch2 hậu xe ô tô của anh Ch, yêu cầu anh Ch xuống xe nói chuyện nhưng anh Ch không xuống. Khi đó anh Nguyễn Văn Tiến là phụ xe đi cùng anh Ch xuống xe, nói chuyện thì hai bên có lời qua tiếng lại, anh T3 bị L, G, B và Đ1 lừa đuổi đánh phải bỏ chạy. Đ1 có cầm súng đồ chơi trẻ em bắn dọa và xì hơi bánh xe ô tô của anh Ch; Sau đó anh Ch xuống xe đi vào quán nước gần đó nói chuyện, nhóm L, G yêu cầu anh Ch phải mua lá chuối từ đầu mối của Quý, nếu không đồng ý sẽ tiếp tục chặn xe không cho buôn bán nữa, rồi cho anh Ch về.

Ngày 10/11/2020, Quý phát hiện anh Ch chở tiếp 01 xe ô tô tải lá chuối, không mua từ đầu mối của Quý về xã Thọ Diên, nên đã thông báo cho nhóm L, G biết. L, G gọi điện hỏi anh Ch việc chở xe lá chuối về Thọ Diên, thì anh Ch nói là xin đi chuyển cuối (chuyển vét), từ chuyển sau sẽ mua lá chuối của Q, nên L, G có thông báo lại cho Q biết. Sau đó Q có thống nhất với nhóm L, G để nhóm thu tiền xe lá chuối trên của anh Ch nhằm trừ vào số tiền Q phải thanh toán cho nhóm L, G. L, G đã nhiều lần gọi điện yêu cầu anh Ch phải nộp số tiền 2.000.000 đồng và hẹn ngày 11/11/2020 sẽ đến nhà lấy tiền. Do lo sợ việc L và nhóm tiếp tục đe dọa việc buôn bán lá chuối của mình nên anh Ch đồng ý đưa tiền cho nhóm L, G. Ngày 11/11/2020 L, Bình đi ô tô biển kiểm soát 36A-407.34 đến nhà anh Ch để lấy tiền; Do chưa thu được tiền bán lá chuối, nên anh

Ch có sang vay của anh Lê Duy H2 (hàng xóm) 1.000.000 đồng về đưa cho L. Khi L vừa cầm tiền bỏ vào túi quần xong thì bị Công an huyện Thọ Xuân phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền 1.000.000 đồng.

Ngoài vụ cưỡng đoạt tài sản nêu trên thì trước đó, vào ngày 07/10/2020, L, G sau khi biết được thông tin có ông Trịnh Văn M ở Hà Nội chở lá chuối vào bán cho nhà ông Nguyễn M Hải (sinh năm 1963, trú tại: thôn Thịnh Mỹ 2, xã Thọ Diên). L, Giáp đã đến nhà ông H1 tìm ông M nhưng không gặp; Sau đó L, Giáp gọi điện thoại, nhắn tin đe dọa ông M, yêu cầu ông M phải bán lá chuối khô cho nhóm của L, G và nộp tiền phí bảo kê nếu không sẽ không cho bán lá chuối vào xã Thọ Diên. Đến ngày 23/10/2020, khi ông Trịnh Văn M tiếp tục chở 01 xe ô tô lá chuối đến nhập cho ông Hải thì L, Giáp đến đe dọa, yêu cầu ông M phải nộp tiền cho L, G. Do lo sợ, ông M buộc phải đưa cho L, G số tiền 4.000.000 đồng ngay tại nhà ông Hải. Sau lần đó, ông M sợ không chở lá chuối vào huyện Thọ Xuân để bán nữa. Số tiền chiếm đoạt được L, G đã chia nhau tiêu sài cá nhân hết.

Tang vật thu giữ:

- Đối với số tiền 1.000.000 đồng anh Ch bị chiếm đoạt, Cơ quan điều tra thu giữ và đã giao trả lại cho anh Nguyễn Văn Ch theo quy định.

- Đối với xe ô tô, biển kiểm soát 36A-407.34 nhóm L, G sử dụng làm phương tiện đi chặn xe của anh Ch. Quá trình điều tra xác định đây là xe thuộc quyền sở hữu của anh Tô Tế N1, sinh năm 1982, trú tại xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cho L mượn, anh N1 không biết việc L mượn xe sử dụng vào mục đích phạm pháp, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Thọ Xuân đã xử lý trả lại chiếc xe cho anh Tô Tế Ngải.

- Đối với 02 đĩa DVD do anh Nguyễn Văn Ch và anh Trịnh Văn M giao nộp, hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ.

- Đối với: 01 ống kim loại dài 70 cm, đường kính 2,1cm; 01 gậy bằng kim loại, dạng gậy bóng chày dài 75cm; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng do Đàm Thị Quý giao nộp; 01 điện di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, tạm giữ của Lê Đình L; 01 điện di động nhãn hiệu Samsung J4+ màu đen, tạm giữ của Nguyễn Văn Bình; 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen, do Nguyễn Văn G giao nộp, hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Về phần dân sự: Anh Nguyễn Văn Ch đã được nhận lại số tiền 1.000.000 đồng bị chiếm đoạt, nên không có yêu cầu bồi thường gì; Ông Trịnh Văn M yêu cầu các bị cáo L, Giáp phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Gia đình bị cáo L đã nộp số tiền 2.000.000 đồng, gia đình bị cáo G nộp số tiền 2.000.000 đồng thay cho các bị cáo L, G để tự nguyện bồi thường cho bị hại M, tuy nhiên bị hại M chưa đến nhận tiền bồi thường. Nên hiện tại số tiền trên đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSTX ngày 19/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn Giáp, Đàm

Thị Quý và Nguyễn Văn Bình về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bị hại Nguyễn Văn Ch, Trịnh Văn M vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Ch đã được nhận lại số tiền 1.000.000 đồng bị chiếm đoạt, nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì; anh Ch có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B. Ông M yêu cầu các bị cáo L, G phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn Giáp, Đàm Thị Quý và Nguyễn Văn Bình phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về hình phạt đề nghị:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo Lê Đình L và Nguyễn Văn G,

+ Xử phạt bị cáo Lê Đình L từ 33 đến 36 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 21 đến 24 tháng tù.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm s, h, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Đàm Thị Q,

Xử phạt bị cáo Đàm Thị Q từ 14 đến 16 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 28 đến 32 tháng.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn B,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 ống kim loại dài 70 cm, đường kính 2,1cm; 01 gậy bằng kim loại, dạng gậy bóng chày dài 75cm; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng (thu giữ của Đàm Thị Quý); 01 điện di động nhãn hiệu Iphone X màu đen (thu giữ của Lê Đình L); 01 điện thoại Iphone 7 Plus màu đen (thu giữ của Nguyễn Văn G); Trả lại Nguyễn Văn B 01 điện di động nhãn hiệu Samsung J4+ màu đen.

Về phần dân sự: Buộc các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn G phải bồi thường cho ông Trịnh Văn M số tiền 4.000.000 đồng; Ghi nhận các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn G đã tự nguyện bồi thường cho ông Trịnh Văn M, mỗi bị cáo đã bồi thường 2.000.000 đồng, tổng cộng là 4.000.000 đồng.

Như vậy, ông Trịnh Văn M được nhận số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) do gia đình các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn G đã tự nguyện giao nộp, hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chi án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T3 hành tố tụng, người T3 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T3 hành tố tụng, người T3 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hai, người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Đàm Thị Q có nhập lá chuối cho Nguyễn Văn D để bán lại cho các hộ làm bánh gai tại xã Thọ Diên. Khoảng tháng 10/2020 Q thấy có nhiều thương lái khác nhập lá chuối vào bán với giá thấp hơn, nên Q đã bàn bạc với D nhờ liên hệ với Lê Đình L, Nguyễn Văn G và Nguyễn Văn B đặt vấn đề nhờ nhóm của L, G ra chặn xe chở lá chuối của các thương lái khác đe dọa, uy hiếp buộc họ phải mua lá chuối từ đầu mối của Q, nếu không đồng ý thì không cho xe vào bán lá chuối. Q có thống nhất với L, G mỗi 01 kg lá chuối bán ra Q cắt lại cho nhóm L, G 1.000 đồng.

Vào ngày 03/11/2020 Q thông báo cho L biết có xe chở lá chuối từ Lào Cai về Thọ Xuân không mua từ đầu mối của Q; Sau đó L cùng với G, B và Trần Anh Đ1 (do G gọi đến) chặn xe ô tô chở lá chuối của anh Nguyễn Văn Ch tại ngã ba Cây Gạo, thuộc khu 1, thị trấn L, huyện Thọ Xuân đe dọa, yêu cầu anh Ch phải mua lá chuối từ đầu mối của Q, nếu không sẽ tiếp tục chặn xe không cho buôn bán nữa. Đến ngày 10/11/2020, Quý phát hiện anh Ch chở tiếp 01 xe ô tô lá chuối không mua từ đầu mối của Quý, nên đã gọi điện thông báo cho nhóm của L, G biết. Sau đó Q có bàn bạc, thống nhất với nhóm L, G đề nhóm L, G thu tiền của anh Ch nhằm trừ vào số tiền Q phải trả cho nhóm L, G mỗi kg lá chuối theo thỏa thuận. L, G đã nhiều lần gọi điện đe dọa, yêu cầu anh Ch nộp số tiền

2.000.000 đồng và hẹn đến nhà để lấy tiền. Do lo sợ, nên anh Ch buộc phải đồng ý đưa tiền cho nhóm L, G. Đến ngày 11/11/2020 L, Bình đến nhà anh Ch để thu tiền; Khi anh Ch vừa đưa cho L 1.000.000 đồng, L cầm tiền bỏ vào túi quần thì bị Công an huyện Thọ Xuân phát hiện bắt quả tang.

Ngoài vụ cưỡng đoạt tài sản nêu trên, trước đó vào ngày 07/10/2020 Lê Đình L và Nguyễn Văn G có hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần ông Trịnh Văn M, khi ông M chở lá chuối vào nhập cho ông Nguyễn M H1 ở thôn Thịnh Mỹ 2, xã Thọ Diên, yêu cầu ông M phải đưa tiền cho L, G nếu không sẽ không cho xe chở lá chuối của ông M vào bán ở xã Thọ Diên. Đến ngày 23/10/2020 khi ông M chở tiếp 01 xe ô tô lá chuối vào nhập cho ông H1, thì bị L, G đến đe dọa, uy hiếp tinh thần buộc ông M phải đưa cho L, G 4.000.000 đồng.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn Giáp, Đàm Thị Quý và Nguyễn Văn Bình đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Tính chất vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây nên tâm lý hoang mang, lo lắng, bất B trong nhân dân, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Vụ án có nhiều bị cáo tham gia, nhưng không có tính tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó vai trò của các bị cáo là khác nhau, bị cáo L, G phạm tội nhiều lần nên phải chịu trách nhiệm cao hơn so với bị cáo Q, B. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi của từng bị cáo, để nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa Ch.

[4] Về nhân thân: Bị cáo G có nhân thân xấu đã 01 lần bị kết án về tội cố ý gây thương tích và 02 lần bị xử lý về hành chính; Bị cáo L hiện đang bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Thọ Xuân khởi tố về tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, Bị cáo Nguyễn Văn B từng bị kết án về tội “chống người thi hành công vụ”, nhưng bị cáo đã chấp hành xong tù tháng 12/2015, nên đến nay bị cáo không còn bị coi là nhân thân xấu; Bị cáo Đàm Thị Q có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, chưa có tiền án tiền sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn Giáp, Đàm Thị Quý và Nguyễn Văn Bình đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Gia đình các bị cáo L, G đã tự nguyện nộp số tiền 4.000.000 đồng (mỗi bị cáo 2.000.000 đồng) để bồi thường cho bị hại Trịnh Văn M, nên các bị cáo L, G được hưởng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều

51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đàm Thị Q sau khi phạm tội, đã đến Cơ quan công an đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra bị cáo Q trong quá trình công tác trong ngành giáo dục, được Chủ tịch UBND huyện, Phòng giáo dục tặng thưởng nhiều danh hiệu lao động tiên tiến và chứng nhận giáo viên dạy giỏi cấp huyện, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác*” theo quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn B được bị hại Nguyễn Văn Ch xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Văn Ch, tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 1.000.000 đồng đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, nên các bị cáo Q và B được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo L, G không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này do còn có hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Trịnh Văn M.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Đình L và Nguyễn Văn G phạm tội hai lần trở lên, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy:

Các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn G phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên; bị cáo L đang bị khởi tố về tội phạm khác, bị cáo G có nhân thân xấu, nên cần thiết phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù nghiêm M, bắt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Xử phạt các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn G với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Đối với thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt.

Đối với các bị cáo Đàm Thị Q và Nguyễn Văn B: Các bị cáo phạm tội ở vai trò sau trong vụ án, đều không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; trong thời gian được tại ngoại tại địa phương các bị cáo chấp hành pháp luật tốt và có mặt khi được các cơ quan T3 hành tố tụng triệu tập, vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự xử cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo, giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý, giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật. Xử phạt các bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về phần dân sự: Anh Nguyễn Văn Ch đã được nhận lại 1.000.000 đồng bị chiếm đoạt, nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì. Do đó, không xem xét.

Đối với yêu cầu bồi thường của bị hại Trịnh Văn M, yêu cầu các bị cáo L, G phải bồi thường 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo L, G có ý kiến đồng ý bồi thường cho ông M toàn bộ số tiền 4.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở buộc bị cáo L, G phải bồi thường cho ông Trịnh Văn M số tiền 4.000.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng. Trước đó, gia đình các bị cáo L, G đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thay cho các bị cáo, mỗi bị cáo 2.000.000 đồng, tổng cộng là 4.000.000 đồng để thực hiện việc bồi thường cho ông M, nên số tiền trên cần tuyên giao trả cho ông Trịnh Văn M.

[10] Về tang vật thu giữ:

Đối với 01 ống kim loại, ống tròn dài 70 cm, đường kính 2,1cm; 01 đoạn gậy bằng kim loại, dạng gậy bóng chày dài 75cm. Đây xác định là các công cụ phạm tội hoặc đồ vật có liên quan đến vụ án, hiện không còn giá trị, không sử dụng được, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng (thu giữ của Q); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen (thu giữ của G); 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen (thu giữ của Lê Đình L). Đây xác định là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng liên hệ với nhau trong việc thực hiện tội phạm, nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J4+, vỏ màu đen, thu giữ của Nguyễn Văn Bình. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn B, không liên quan đến tội phạm, nên cần trả lại cho Nguyễn Văn B.

Toàn bộ số tang vật trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo đúng quy định của pháp luật.

[11] Về các tình tiết liên quan đến vụ án:

Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 36A-407.34 các bị cáo L, G, B sử dụng làm phương tiện chặn xe ô tô của anh Ch. Quá trình điều tra xác định: Đây là xe thuộc quyền sở hữu của anh Tô Tế N1 cho L mượn sử dụng, anh N1 không biết việc L mượn xe sử dụng vào mục đích phạm pháp, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã xử lý trả lại cho anh Tô Tế Ngãi là đúng quy định.

Đối với 02 đĩa DVD do anh Nguyễn Văn Ch và ông Trịnh Văn M giao nộp, hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

Đối với đối tượng Trần Anh Đ1 có hành vi tụ tập đông người, chặn xe, đuổi đánh người khác gây mất an ninh trật tự, nên Công an huyện Thọ Xuân đã

ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Anh Đ1 là phù hợp.

Đối với đối tượng Nguyễn Văn D có hành vi cùng với bị cáo Đàm Thị Q bàn bạc thống nhất, nhờ nhóm của L, G chặn các xe chở lá chuối không phải mua từ mỗi của Q bán vào xã Thọ Diên với mục đích để độc quyền bán lá chuối tại xã Thọ Diên. Tuy nhiên, Quá trình điều tra không có cơ sở xác định D bàn bạc thống nhất với nhóm của L, G thu tiền của các bị hại. Do đó không có căn cứ xử lý D đồng phạm về tội “cưỡng đoạt tài sản”.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo Lê Đình L và Nguyễn Văn G;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm s, h, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Đàm Thị Q;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn B;

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn Giáp, Đàm Thị Quý và Nguyễn Văn Bình phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lê Đình L 33 (ba mươi ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 11/11/2020 đến ngày 14/01/2021).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/11/2020.

- Xử phạt bị cáo Đàm Thị Q 14 (mười bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 28 (hai mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 13 (mười ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đàm Thị Q cho Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B, tỉnh Lào Cai; Bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn G phải bồi thường cho ông Trịnh Văn M số tiền 4.000.000 đồng; Ghi nhận các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn G đã bồi thường cho ông Trịnh Văn M 4.000.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng).

Như vậy, ông Trịnh Văn M được nhận số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) do gia đình các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn G đã tự nguyện giao nộp. Số tiền trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tiền số AA/2011/002136 ngày 30/6/2021 và Biên bản giao nhận vật chứng số 47 ngày 21/5/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 ống kim loại, ống tròn dài 70 cm, đường kính 2,1cm; 01 đoạn gậy bằng kim loại, dạng gậy bóng chày dài 75cm.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu trắng, đã qua sử dụng, số seri: EK2PVHAU5QG, gắn thẻ sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen, đã qua sử dụng, số imei: 355.840.082.246.158, gắn thẻ sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen, đã qua sử dụng, số imei: 354.875.092.382.626, gắn thẻ sim.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn B 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J4+, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, số imei 1: 352.987.101.118.844, Imei 2: 352.988.101.118.842, gắn thẻ sim.

Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 47 ngày 21/5/2021.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Đình L, Nguyễn Văn Giáp, Đàm Thị Quý và Nguyễn Văn Bình mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê M T3